

Số: 537/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 346/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988;

Căn cước công dân số 046188014383, cấp ngày 27/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: E T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Đăng T**, sinh năm 1973;

Căn cước công dân số 046073012099, cấp ngày 21/02/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: E T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đăng T thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đăng T thuận tình ly hôn (Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đăng T kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H) cấp ngày 07/02/2014).

- Về con chung: Hai bên khai có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 24/10/2013 và cháu Nguyễn Đăng Đức T1, sinh ngày 06/02/2017. Hai bên thống nhất giao trẻ Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 24/10/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Nguyễn Đăng Đức T1, sinh ngày 06/02/2017 cho ông Nguyễn Đăng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Người trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021239 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H được nhận lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Phường Hương An, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường phường Hương An, thành phố Huế) (Đề ghi vào sổ hộ tịch đối với GCNKH số 07, quyền số 01/2014 ngày 07/02/2024);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc